TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 620/2018/HS-PT
Ngày: 12 - 11 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đắc Minh

Bà Phạm Thị Duyên

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Thới Ngọc Bắc– Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** BàPhạm Thị Thanh Tuyết- Kiểm sát viên.

Ngày12tháng11năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phốHồ Chí Minh, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 469/2018/TLPT- HS ngày 21 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo Võ Thị Minh T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 229/2018/HSST ngày 03 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị cáo:* Võ Thị Minh T; sinh ngày 02 tháng 6 năm 1972, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký HKTT: đường Đ, Phường 25, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: số 51, đường số 17, khu phố 6, phường H, quận Th, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Nguyên Kế toán trưởng Ủy ban nhân dân phường 19, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Họ tên cha: Phan Quang Ph, sinh năm: 1945 (đã mất); Họ tên mẹ: Võ Thị V, sinh năm: 1949; Chồng: không có; Có 02 con, nhỏ sinh 1997, lớn sinh 1996; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo hiện tại ngoại. (có mặt)

- *Bị hại:* Đại diện Ủy ban nhân dân Phường 19, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: đường Ph, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà H Thị V, sinh năm 1980; Trú tại: cư xá Ph1, Phường 3, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Uỷ ban nhân dân Phường 19, quận B do bà Bùi Thị Thu H làm Chủ tịch trong giai đoạn từ năm 2012 đến ngày 27/01/2015; Ngày 28/01/2015 Hà Thị V được điều động về nhận nhiệm vụ Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND đến ngày 21/02/2017 thì được UBND Quận B điều động về phòng nội vụ, bà Bùi Thị Hồng Q làm Chủ tịch từ ngày 22/01/2017 đến nay.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ lãnh đạo tại Ủy ban nhân dân phường 19, thông qua các cuộc họp, biên bản kiểm tra thường niên của Phòng tài chính kế hoạch và Thanh tra Quận B, bà H Thị V – Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 19 nhận thấy công tác quản lý thu, chi tài chính và bộ phận kế toán đơn vị có nhiều mặt tồn tại, nên đăng ký thanh tra toàn diện các hoạt động của Phường 19, nhằm chấn chỉnh các qui trình thực hiện tại phường, nhất là mảng liên quan đến hoạt động kế toán, tài chính.

Ngày 16/6/2016, Thanh tra Quận B ban hành Quyết định số 155/QĐ-TTr về Thanh tra toàn diện Ủy ban nhân dân Phường 19. Bản kết luận Thanh tra số 254/Ttr, ngày 16/9/2016 của Thanh tra Quận B xác định Võ Thị Minh T - kế toán trưởng Ủy ban nhân dân Phường 19, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao có hành vi tham ô, chiếm đoạt 491.960.560 đồng tiền ngân sách nhà nước và đề nghị chuyển hồ sơ vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận B để điều tra.

Ngày 23/01/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận B khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Võ Thị Minh T về tội "Tham ô tài sản". Ngày 20/4/2017, Viện kiểm sát nhân dân quận B ra Quyết định số 10/QĐ chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công anThành phố Hồ Chí Minh điều tra theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra xác định: Ngày 09/4/2013, UBND Quận B có Quyết định số 3952/QĐ-UBND điều động Võ Thị Minh T - kế toán chuyên trách, công tác tại Ủy ban nhân dân Phường 25, Quận B đến nhận nhiệm vụ tài chính kế toán tại Ủy ban nhân dân Phường 19, Quận B. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 19 là bà Bùi Thị Thu H giao miệng cho T nhận nhiệm vụ Kế toán trưởng, quản lý hoạt động thu - chi tài chính của Ủy ban nhân dân Phường 19 (không có Quyết định bổ nhiệm).

Căn cứ Thông báo số 10/TB-UBND ngày 14/02/2015, của Ủy ban nhân dân Phường 19, bộ phận Tài chính kế toán Ủy ban nhân dân Phường 19 gồm có 02 người. Theo đó, kế toán Ủy ban nhân dân Phường 19 có nhiệm vụ, cụ thể như sau:

- Tham mưu cho Chủ tịch thực hiện công tác thu chi tài chính theo quy định của Luật Ngân sách, đồng thời xây dựng kế hoạch sử dụng ngân sách hàng năm.

- Báo cáo thu chi và các báo cáo khác trong lĩnh vực tài chính, thanh quyết toán các hoạt động có liên quan đến ngân sách của Ủy ban nhân dân phường.

- Thống kê, tổng hợp tình hình thu chi ngân sách của phường để công khai cho nhân dân trong phường.

- Báo cáo quản lý tài sản bằng chương trình của Bộ Tài chính.

- Trực tiếp phụ trách công tác chi trả lương, phụ cấp và các diện khác theo quy định cho cán bộ nhân viên cơ quan.

Từ tháng 4/2013 liên tục đến năm 2017, T đã thực hiện các chức trách, nhiệm vụ Tài chính - kế toán Ủy ban nhân dân Phường 19. Với vai trò là Kế toán trưởng, T thực hiện các nhiệm vụ như nêu trên và chủ yếu là tham mưu cho Chủ tịch UBND phường lập hồ sơ rút dự toán ngân sách, lập chứng từ, bảng kê thanh toán, giấy rút dự toán ngân sách để quyết toán các khoản chi cho lương, phụ cấp, trợ cấp, trình Chủ tịch UBND Phường 19 ký, duyệt chi quyết toán.

Sau khi có chữ ký của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 19, đối với những chứng từ theo quy định phải chuyển về Phòng Nội vụ duyệt, T sẽ trực tiếp trình ký, sau đó thực hiện việc rút tiền từ Kho bạc Quận B. Căn cứ vào hồ sơ chứng từ rút dự toán, bộ phận kế toán Kho bạc kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ như hình thức và chữ ký của Thủ trưởng đơn vị, kiểm tra dự toán và đối chiếu nguồn ngân sách, tổng số tiền rút dự toán trùng khớp với chứng từ đi kèm giấy rút dự toán (bảng kê hoặc danh sách từng lần thanh toán) đúng, đủ các nội dung thì duyệt chi. Sau khi Kho bạc duyệt chi, bằng quy trình thanh toán song phương điện tử giữa kho bạc và Ngân hàng Đ, Kho bạc chi theo đề nghị của Ủy ban, tùy nội dung và nguồn ngân sách, tiền sẽ được ngân hàng chuyển vào hai tài khoản của Ủy ban mở tại Ngân hàng Đ, do Chủ tịch UBND đứng tên chủ tài khoản.

Đối với tài khoản chi lương số 011517940003 của UBND Phường 19, khi Ngân hàng chuyển tiền vào, từ nguồn tiền này, chủ tài khoản Ủy ban nhân dân Phường 19 sẽ thực hiện việc chi lương và các khoản phụ cấp cho toàn thể cán bộ, nhân viên qua tài khoản cá nhân (việc chi lương, phụ cấp qua tài khoản được thực hiện từ tháng 01/2008 đến nay) bằng chương trình chi lương điện tử (Epayroll) của ngân hàng Đ.

Đối với tài khoản chi cho hoạt động xã hội số 011517940005 của UBND Phường 19, khi ngân hàng chuyển tiền vào, UBND sẽ thực hiện rút tiền mặt theo quy trình rút séc nhập quỹ, ra phiếu chi.

Năm 2013, sau khi T được điều động về Ủy ban nhân dân phường 19, trong quá trình ký hợp đồng trả lương qua thẻ với ngân hàng Đ, bà Bùi Thị Thu H – Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 19 đã cho phép T thay bà H cung cấp thông tin cá nhân liên quan và số điện thoại để ngân hàng sử dụng làm thông tin chủ tài khoản đăng nhập, đồng nghĩa thay bà H đăng nhập vào tài khoản của UBND phường và thực hiện lệnh duyệt chi lương theo chương trình chi lương điện tử (Epayroll) của Ngân hàng Đ (không có văn bản ủy quyền, chỉ giao T trực

tiếp làm việc với nhân viên ngân hàng Đ tại thời điểm ký hợp đồng sử dụng dịch vụ với Ngân hàng Đ). Từ tháng 01/2015, bà H Thị V tiếp nhận nhiệm vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 19 (thay bà H) và vẫn làm theo quy trình nêu trên, bà V vẫn giữ nguyên cách làm, không trực tiếp quản lý và duyệt chi trên máy theo quy trình chi lương dành cho chủ tài khoản, mà để T thực hiện thay toàn bộ việc chi lương điện tử này.

Đối với các khoản tiền lương và phụ cấp cố định, được chi từ hai nguồn kinh phí tự chủ (nguồn 13) và không tự chủ (nguồn 12, 14), Kho bạc bắt buộc chuyển vào tài khoản chi lương. Với qui trình nêu trên, sau khi kho bạc chi và ngân hàng chuyển tiền vào tài khoản Ủy ban, T thực hiện thao tác chi lương điện tử cho cán bộ được hưởng lương, phụ cấp, trợ cấp bằng cách: tạo danh sách chuyển tiền trên máy tính, sử dụng chương trình chi lương điện tử của Ngân hàng Đ (Epayroll), đăng nhập vào tài khoản của Ủy ban nhân dân phường 19 do ngân hàng cấp, tải đính kèm danh sách đã tạo nêu trên để làm căn cứ cho ngân hàng chi vào tài khoản cá nhân và nhấn lệnh duyệt chi, khi đó ngân hàng sẽ nhắn tin vào số điện thoại của T (đã đăng ký với ngân hàng) mã xác nhận gồm 6 chữ số ngẫu nhiên. Sau khi T xác nhận 6 chữ số này vào phần duyệt chi là hoàn thành lệnh chuyển tiền, sau vài phút, cán bộ nhân viên của phường nhận được tiền trong tài khoản cá nhân.

- Về quy trình rút dự toán ngân sách và chi lương, phụ cấp bằng chương trình chi lương điện tử (Epayroll): Hàng tháng, trên cơ sở danh sách cá nhân được hưởng lương phụ cấp, trợ cấp, T có nhiệm vụ lập hồ sơ rút dự toán trình Chủ tịch UBND Phường ký, gồm: 01 bảng danh sách nhận tiền, 02 bảng giấy rút dự toán ngân sách, 02 bảng kê chứng từ thanh toán. Đối với các bảng lương cán bộ công chức, T phải có trách nhiệm trình Phòng Nội vụ ký duyệt trước khi trình Kho bạc duyệt chi. Sau khi kiểm tra hồ sơ hợp lệ, Kho bạc sẽ chuyển tiền rút dự toán vào tài khoản chi lương số 011517794003 của Ủy ban nhân dân phường 19 thông qua chương trình thanh toán song phương điện tử giữa Kho bạc và Ngân hàng Đ; đồng thời, chuyển trả chứng từ cho Phường lưu giữ; Kho bạc chỉ lưu giấy rút dự toán. Từ nguồn tiền trên, T thao tác quy trình: lập danh sách chuyển tiền trên máy tính, đăng nhập vào chương trình chi lương qua tài khoản do ngân hàng cung cấp cho Phường, nhập liệu thông tin, tải danh sách Cán bộ công nhân viên đã tạo trên máy vào chương trình để thực hiện lệnh duyệt chi; khi nhận lệnh duyệt chi, ngân hàng sẽ nhắn 6 chữ số ngẫu nhiên gởi đến số điện thoại T đăng ký với ngân hàng trước đó, T nhập vào phần duyệt chi và nhấn phím "enter" là hoàn thành lệnh chuyển tiền, sau vài phútCán bộ công nhân viên phường sẽ nhận được tiền trong tài khoản.

Trong năm 2015, Võ Thị Minh T đã lợi dụng quy trình chi lương điện tử nêu trên và cơ chế kiểm tra, giám sát của lãnh đạo Ủy ban nhân dân phường 19 còn kẻ hở, đã nhiều lần thực hiện thủ tục rút dự toán từ các nguồn ngân sách, chuyển vào tài khoản của Ủy ban, sau đó tự thao tác chuyển khoản số tiền chi trùng lắp, nâng khống mà có để tham ô tiền ngân sách, sử dụng cho cá nhân.

Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan điều tra xác định, với phương thức thủ

đoạn nêu trên, Võ Thị Minh T đã có hành vi tham ô số tiền 495.296.967đ, cụ thể như sau:

1. Hành vi cùng một nội dung, sử dụng cùng một bộ chứng từ rút dự toán ngân sách nhiều lần, chiếm đoạt số tiền 299.988.960 đồng (phụ lục 1)

a- Chiếm đoạt tiền phụ cấp trách nhiệm theo Nghị định 58/2010/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật dân quân tự vệ, số tiền 20.838.000đ;

Căn cứ quy định tại Nghị định 58/2010/NĐ-CP, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật dân quân tự vệ. Theo đó mỗi tháng, tại Ủy ban nhân dân phường 19 có 22 cá nhân được hưởng phụ cấp, số tiền phụ cấp được chi từ ngân sách của Ủy ban (nguồn kinh phí không tự chủ). Cụ thể:

Ngày 20/5/2015, T lập giấy rút dự toán tổng số tiền 199.485.790đ cho 06 nội dung, trong đó trong đó khoản chi phụ cấp cho 22 người theo danh sách kèm hồ sơ dự toán, số tiền là 10.419.000đ. Số tiền này, thông qua ngân hàng, kho bạc chuyển vào tài khoản chi lương, T sử dụng hình thức chi lương điện tử chi cho từng người theo quy trình.

Ngày 07/7/2015, T lập giấy rút dự toán chi đơn lẻ cho nội dung "phụ cấp trách nhiệm NĐ 58/2010", về nguyên tắc đây là quy trình rút dự toán chi cho quý 2, T chỉ kê nội dung chi phụ cấp quý 2 số tiền 10.419.000đ, nhưng T cố ý kê lại thành "phụ cấp trách nhiệm NĐ 58/CP" để rút số tiền 20.838.000đ. Trong đó, số tiền 10.419.000đ phụ cấp quý 2, T chi cho từng cá nhân theo quy trình chi lương điện tử như trên, số tiền 10.419.000đ rút trùng quý 1, T chuyển vào tài khoản cá nhân T.

Tương tự cách làm trên, ngày 09/9/2015 tại giấy rút dự toán khác, trong khi rút chi phụ cấp quý 3, T tiếp tục kê lại quý 2 (lặp lại) để rút số tiền 20.838.000đ, số tiền 10.419.000đ rút trùng của quý 2, T chuyển vào tài khoản mang tên Võ Thị Minh T, số tài khoản 0102130811, mở tại ngân hàng Đ sử dụng cá nhân.

b- Chiếm đoạt tiền phụ cấp trách nhiệm Đảng ủy viên số tiền 26.220.000đ;

Quyết định số 169/QĐ-TW ngày 24/6/2008 của Ban Bí thư về quy định chế độ phụ cấp trách nhiệm đối với cấp uỷ viên các cấp và Công văn số 1131-CV/VPTW, ngày 05/02/2009 của Văn phòng Trung ương Đảng về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 169. Theo đó mỗi tháng, tại Ủy ban nhân dân phường 19 có 12 cá nhân được hưởng phụ cấp, số tiền phụ cấp được chi từ ngân sách của Ủy ban (nguồn kinh phí không tự chủ).

Tương tự cách làm tại mục a, ngày 15/6/2015,T lập giấy rút dự toán để chi phụ cấp trách nhiệm Đảng ủy viên quý 2 số tiền 12.075.000đ, chuyển vào tài khoản từng cá nhân đúng quy trình.

Ngày 9/9/2015,T lập giấy rút dự toán chi phụ cấp quý 2, quý 3 số tiền 26.220.000 đồng. Số tiền 14.145.000đ phụ cấp quý 3, T chuyển vào tài khoản

từng cá nhân, rút trùng quý 2 số tiền 12.075.000đ, T chuyển vào tài khoản mang tên Võ Thị Minh T, số tài khoản 0102130811, mở tại ngân hàng Đ sử dụng cá nhân.

Ngày 9/12/2015,T lập giấy rút dự toán chi phụ cấp quý 4 số tiền 27.600.000đ, nhưng bảng kê T kê thành hai quý, phụ cấp quý 4 là 13.455.000đ, T chuyển vào tài khoản từng cá nhân hưởng phụ cấp.Số tiền 14.145.000 đồng chi trùng quý 3, T chuyển vào tài khoản mang tên Võ Thị Minh T, số tài khoản 0102130811, mở tại ngân hàng Đ sử dụng cá nhân.

c- Chiếm đoạt tiền trợ cấp thôi việc, số tiền 17.383.000 đtừ nguồn kinh phí tự chủ;

Tại thời điểm sai phạm của Võ Thị Minh T, Ủy ban nhân dân phường 19 có giải quyết chế độ trợ cấp thôi việc cho Nguyễn Thanh T và Trịnh Ngọc G, chi từ nguồn kinh phí tự chủ của Ủy ban.

Với quy trình rút dự toán như trên, lợi dụng sơ hở của bà H Thị V – Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường 19, để chiếm đoạt được tiền, về nguyên tắc, T chỉ lập bộ chứng từ gồm: 01 danh sách nhận trợ cấp, 02 bảng giấy rút dự toán, 02 bảng kê chứng từ thanh toán nhưng trong lúc lập hồ sơ, T cố ý lập thừa một bộ chứng từ (2 danh sách nhận trợ cấp, 04 bảng giấy rút dự toán ngân sách, 04 bảng kê chứng từ thanh toán) trình Hà Thị V ký mà không ghi ngày tháng trên giấy rút dự toán vì thường là các giấy rút tiền đến kho bạc mới ghi ngày tháng rút. Bộ chứng thứ nhất, T rút dự toán chi cho Nguyễn Thanh T và Trịnh Ngọc G, bộ thứ hai (cố ý lập dư) T ghi khác ngày, rút thêm lần nữa để chiếm đoạt. Cụ thể:

Ngày 28/5/2015, T sử dụng 01 bộ chứng từ (01 danh sách, 02 bảng giấy rút dự toán ngân sách, 02 bảng kê chứng từ thanh toán), trình kho bạc chi trợ cấp thôi việc số tiền17.838.000 đồng, T chuyển vào tài khoản cá nhân Nguyễn Thanh T và Trịnh Ngọc G đúng quy trình. Ngày ngày 8/6/2015,T sử dụng bộ chứng từ còn lại, tiếp tục trình kho bạc rút, chi trợ cấp thôi việc số tiền 17.838.000 đồng, số tiền chi trùng này T thực hiện thao tác chuyển vào tài khoản mang tên Võ Thị Minh T, số tài khoản 0102130811, mở tại ngân hàng Đ sử dụng cá nhân.

d- Chiếm đoạt tiền trợ cấp "Vì sự tiến bộ phụ nữ" số tiền 2.700.000đ từ nguồn kinh phí tự chủ;

Theo Quyết định số 1855/QĐ-TTG của Thủ tướng Chính phủ v/v thành lập, kiện toàn Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ ở Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và huyện, theo đó, Ủy ban nhân dân phường 19 có 09 cá nhân được hưởng phụ cấp.

Với quy trình tương tự mục "a", ngày 15/6/2015, T lập giấy rút dự toán, chi phụ cấp vì sự tiến bộ phụ nữ quý 2 số tiền 2.700.000 đồng, T chuyển vào tài khoản từng cá nhân.

Ngày 9/9/2015, T lập giấy rút dự toán để chi vì sự tiến bộ phụ nữ quý 2, quý 3 số tiền 5.400.000 đồng, số tiền 2.700.000đ phụ cấp quý 3 là 2.700.000đ T chuyển vào tài khoản từng cá nhân, số tiền 2.700.000đ rút trùng quý 2, T chuyển

vào tài khoản mang tên Võ Thị Minh T, số tài khoản 0102130811, mở tại ngân hàng Đ sử dụng cá nhân.

e- Chiếm đoạt tiền phụ cấp khu phố, tổ dân phố, số tiền 141.950.000đ từ nguồn kinh phí không tự chủ;

Thông tư số 04/2012/TT-BNV, ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố và Quyết định 48/2015/QĐ-UBND của UBND thành phố về quy định cụ thể số lượng, chức danh, mức phụ cấp của từng chức danh và mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh đối với cán bộ không chuyên trách ở khu phố, ấp, tổ dân phố, tổ nhân dân. Theo đó mỗi tháng, Ủy ban nhân dân phường 19 có 73 tổ dân phố (146 người) và 6 khu phố nhận phụ cấp, khoản này được chi từ chương 860 – 471 (chi hoạt động Ủy ban, dành chi cho khu phố, tổ dân phố) từ tài khoản chi cho hoạt động xã hội, số TK 011517794005 của Ủy ban.

Trong tháng 8/2015, T đã lập, rút dự toán và thực hiện chi phụ cấp cho khu phố, tổ dân phố (tháng 8/2015), với số tiền 70.975.000đ theo đúng qui định. Ngày 18/9/2015,T lập Giấy rút dự toán và bộ chứng từ kèm theo với tổng số tiền là 311.421.221đ, trình bà H Thị V – Chủ tịch UBND phường ký duyệt. Trong 04 khoản trên Giấy rút dự toán, T vẫn đưa nội dung "trợ cấp khu phố, tổ dân phố tháng 9/2015" để rút theo quy trình đúng, trong đó T cố ý đưa khoản chi phụ cấp cho khu phố, tổ dân phố của tháng 8/2015 (đã được chi nêu trên) để tiếp tục rút thêm lần nữa, nhưng kê trong chương mục chi "Công tác thu phí, lệ phí Tháng 8, ngày thứ 7" để hợp thức hóa, nâng số tiền rút dự toán từ 8.858.221đ lên thành 79.833.221đ (chênh lệch 70.975.000đ). Sau khi số tiền trên được chuyển vào tài khoản chi lương số 011517794003 của Ủy ban nhân dân phường 19, T đã dùng chương trình chi lương điện tử chuyển số tiền chênh lệch trên vào tài khoản mang tên Võ Thị Minh T, số tài khoản 0102130811, mở tại ngân hàng Đ sử dụng cá nhân.

Ngày 12/11/2015, T lập giấy rút dự toán nội dung trợ cấp khu phố tổ dân phố tháng 11, số tiền 70.975.000đ. Sau khi được Kho bạc duyệt chi, T không thực hiện chi tiền cho khu phố, tổ dân phố theo qui định mà chuyển vào tài khoản cá nhân để chiếm đoạt.

Để có tiền chi cho khu phố, tổ dân phố, ngày 19/11/2015, tại giấy rút dự toán khác, T tiếp tục kê lại khoản chi trên để rút 70.975.000đ chi trả theo qui định.

f- Chiếm đoạt tiền Lễ 30/4, 1/5 và Giỗ tổ Hùng Vương số tiền 78.000.000đ;

Căn cứ quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị, Ủy ban sẽ cân đối ngân sách từ nguồn kinh phí tự chủ để chi tiền lễ cho mỗi cá nhân, từ 500.000đ đến 1.000.000đ tùy lễ, tết.

Tương tự quy trình như mục "a" nêu trên, ngày 20/4/2015,T lập giấy rút dự toán tổng số tiền 132.000.000đcho nội dung "tạm ứng đồng phục, lễ giỗ tổ, 30/4 và 1/5", trong đó số tiền 78.000.000đ chi "Giỗ tổ, lễ 30/4 và 01/5"T chi cho

từng cá nhân theo quy trình. Ngày 27/4/2015,Tlập giấy rút dự toán số tiền 78.000.000đ chi lại cho nội dung "tạm ứng giỗ tổ, 30/4, 0/5 năm 2015" để tiếp tục rút chi lễ 30/4; 1/5 và Giỗ tổ Hùng Vương số tiền 78.000.000đ, số tiền này T chuyển vào tài khoản mang tên Võ Thị Minh T, số tài khoản 0102130811, mở tại ngân hàng Đ sử dụng cá nhân.

g- Chiếm đoạt tiền truy lương cho CBCC có hệ số lương dưới 2,34, số tiền 11.097.960đ,chi từ nguồn kinh phí tự chủ của Ủy ban;

Nghị định 17/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 quy định tiền lương tăng thêm đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vụ trang có hệ số lương từ 2,34 trở xuống.

Tại thời điểm sai phạm của Võ Thị Minh T, Ủy ban nhân dân phường 19 có 05 CBCC có hệ số lương dưới 2,34.

Ngày6/10/2015, T lập bộ chứng từ gồm giấy rút dự toán (02 bảng) và danh sách (01 bảng) trình kho bạc duyệt chi từ chương 805, chuyển vào tài khoản chi lương 0151794003 để chi lương cho cán bộ chông chức có hệ số dưới 2,34 số tiền 11.097.960 đồng, T chuyển vào tài khoản cá nhân chiếm đoạt.

Để có tiền chuyển cho cán bộ công chức, ngày 8/10/2015,tại giấy rút dự toán khác, T lồng nội dung truy lương nêu trên số tiền 11.097.960đ vào nội dung "Công tác thu phí, lệ phí tháng 9" nâng số tiền chi cho mục này từ 2.727.153đ thành 13.825.113đ, tiếp tục rút dự toán cho nội dung truy lương lần 2. Tiền này Kho bạc chuyển vào tài khoản chi hoạt động, thông qua quy trình rút séc nhập quỹ tiền mặt,ra phiếu chi cho từng cá nhân theo quy trình kế toán tài chính.

h – Chiếm đoạt tiền xăng công tác của lực lượng dân quân thường trực số tiền 1.800.000đ;

Phụ cấp xăng cho lực lượng dân quân thường trực,là tiền hỗ trợ cho lực lượng dân quân của phường, mỗi cá nhân 60.000đ/01 tháng, mỗi quý rút tiền một lần từ nguồn ngân sách Ủy ban (nguồn kinh phí không tự chủ);

Vào tháng cuối cùng của quý, T lập danh sách cá nhân nhận tiền (01 bảng), giấy rút dự toán, bảng kê chứng từ (mỗi thứ hai bảng) trình Hà Thị V ký. Khi kho bạc duyệt xong, tiền sẽ chuyển vào tài khoản chi lương số 015117794003 của UBND P.19, T sẽ thao tác chi cho từng cá nhân bằng quy trình chi lương điện tử.

Với quy trình trên, ngày 29/6/2015,T lập giấy rút dự toán ngân sách, khi kho bạc duyệt chi, chuyểntiền vào tài khoản chi lương để chi phụ cấp xăng cho lực lượng dân quân thường trực quý 2/2015 số tiền 1.800.000đ (Một triệu tám trăm ngàn đồng), về nguyên tắc T phải chuyển cho từng cá nhân, nhưng T chuyển vào tài khoản mang tên Võ Thị Minh T, số tài khoản 0102130811, mở tại ngân hàng Đ sử dụng cá nhân.

Ngày 07/7/2015,để có tiền chi cho từng cá nhân, Ttiếp tục lồng nội dung rút dự toán chi phụ cấp xăng cho lực lượng dân quân thường trực quý 2 vào giấy rút dự toán nội dung "chuyển tiền hoạt động ANQP" rút từ nguồn quỹ An ninh

quốc phòng (thu trong dân) để chi phụ cấp, hỗ trợ xăng cho lực lượng dân quân thường trực quý 2 số tiền1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm ngàn đồng), số tiền này kho bạc duyệt chi và ngân hàng chuyển vào tài khoản 01511794005, được thủ quỹ rút séc (ngày 10/7/2015) về nhập quỹ tiền mặt, chi cho từng cá nhân (danh sách ký nhận hỗ trợ tiền xăng tuần tra tháng 4,5,6/2015 – quý 2).

Như vậy, với hành vi kê lặp lại cùng một nội dung vào giấy rút dự toán, sử dụng cùng một bộ chứng từ rút dự toán ngân sách nhiều lần, T chiếm đoạt số tiền 299.988.960 đồng của Ủy ban nhân dân phường 19.

Ngoài ra, theo bản Kết luận thanh tra số 254/KL-TTr, ngày16/9/2016, Thanh tra Quận B còn kết luận Võ Thị Minh T có hành vi chiếm đoạt khoản tiền phí, lệ phí tháng 10/2015 của Ủy ban số tiền 2.227.000đ.

Tuy nhiên, T không thừa nhận chiếm đoạt khoản tiền này. Qua đối chiếu giấy rút dự toán ngày 19/11/2015 và sổ quỹ tiền mặt tháng 11/2011, Cơ quan điều tra nhận thấy, thực tế Ủy ban có thu vào đúng khoản tiền ghi trên giấy rút dự toán, vì chi sai nội dung nên Phường đã chuyển trả lại ngân sách. Do vậy, T không chiếm đoạt khoản tiền phí, lệ phí theo kết luận Thanh tra.

2. Hành vi nâng khống khoản chi lương nhân viên khối Ủy ban và tiền trợ cấp, phụ cấp khác, chiếm đoạt số tiền 195.218.007đ (bảng phụ lục 2)

Về quy trình chi lương: Từ ngày 20 đến 25 hàng tháng, T trình Hà Thị V ký bảng lương cho cán bộ công chức, nhân viên hợp đồng và tiền phụ cấp, trợ cấp. Đối với lương cán bộ công chức, theo quy định phải chuyển về phòng nội vụ thẩm định và lưu, danh sách nhân viên hợp đồng (cộng tác viên) phòng nội vụ không quản lý nên không cần chuyển, chỉ. Võ Thị Minh T lập bảng và Thủ trưởng đơn vị ký, nên mỗi tháng, khi lập hồ sơ duyệt lương, T cố tình lập và trình ký dư danh sách này. Sau khi phòng nội vụ duyệt, T lập bộ chứng từ rút chi lương cho tất cả cán bộ tại ủy ban, gồm giấy rút dự toán (01 giấy rút 02 bảng) và chứng từ đi kèm (danh sách hoặc bảng kê) 01 bảng. Tại kho bạc, khi kiểm tra hồ sơ chứng từ và duyệt chi xong, kho bạc lưu giấy rút dự toán, chuyển trả phường đầy đủ bộ hồ sơ để lưu tại phường. Tiền chuyển vào tài khoản chi lương của Ủy ban, T thực hiện thao tác chi lương điện tử như trên để chuyển tiền vào tài khoản từng cá nhân.

Biết bà H Thị V – Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường 19 không thể kiểm tra chi tiết nội dung chứng từ (bảng kê, danh sách) đi kèm giấy rút dự toán nên T nâng khống các khoản phụ cấp, lập dư danh sách lương nhân viên hợp đồng (cộng tác viên) để lồng vào giấy rút dự toán chi lương khối Ủy ban trên giấy rút nguồn 13 và tiền trợ cấp, phụ cấp trên giấy rút dự toán nguồn 12 để trình Hà Thị V ký hồ sơ rút dự toán; lợi dụng quá trình kiểm soát chi tại kho bạc không lưu chứng từ đi kèm và không kiểm tra chi tiết, nội dung từng bảng kê, T sử dụng danh sách lương nhân viên hợp đồng (cộng tác viên) ký dư, lồng vào hồ sơ trình kho bạc nhằm mục đích khớp chứng từ, để kho bạc kiểm tra thấy đúng và chi theo quy trình; sau khi kiểm tra xong, kho bạc trả chứng từ, T rút danh sách lương nhân viên hợp đồng bỏ ra khỏi hồ sơ lưu, chiếm đoạt số tiền chênh lệch đã được kho bạc duyệt chi.

Với cách làm nêu trên, trong năm 2015, T đã 12 lần chuyển vào tài khoản cá nhân, cụ thể:

- Tháng 1: Nâng khống khoản chi lương Ủy ban tháng 1/2015 trên giấy rút dự toán ngày 09/01/2015, vượt số tiền thực lĩnh 18.352.620đ;

- Tháng 2: Nâng khống nội dung chi lương Ủy ban tháng 2/2015 trên giấy rút dự toán ngày 06/02/2015, vượt số tiền thực lĩnh là 16.213.620đ;

- Tháng 3: Nâng khống nội dung chi lương Ủy ban tháng 3/2015 trên giấy rút dự toán ngày 3/3/2015, vượt số tiền thực lĩnh là 16.213.620đ;

- Tháng 4: Nâng khống nội dung chi lương Ủy ban tháng 4/2015 trên giấy rút dự toán ngày 01/4/2015, vượt số tiền thực lĩnh là 18.128.025đ (trùng khớp danh sách trợ cấp cộng tác viên T lồng vào giấy rút dự toán);

- Tháng 5: Nâng khống nội dung chi lương Ủy ban tháng 5/2015 trên giấy rút dự toán, vượt số tiền thực lĩnh là 14.136.547đ;

- Tháng 6: Nâng khống nội dung chi lương Ủy ban, rút ít hơn tiền thực chi truy lương và rút thiếu tiền phụ cấp cộng tác viên trật tự đô thị, chiếm đoạt 15.888.835đ;

- Tháng 7: Nâng khống nội dung chi lương Ủy ban tháng 7/2015 trên giấy rút dự toán ngày 01/7/2015, vượt số tiền thực lĩnh là 11.439.120đ;

- Tháng 8: Nâng khống nội dung chi lương Ủy ban tháng 8/2015 trên giấy rút dự toán ngày 03/8/2015, vượt số tiền thực lĩnh là 11.349.120đ; kê khống tiền lương cộng tác viên trên giấy rút dự toán vượt 1.500.000đ, chiếm đoạt tổng số tiền 12.849.120đ;

- Tháng 9: Nâng khống 9.796.120đ trợ cấp lương đại học (trên giấy rút dự toán ngày 01/9/2015, T kê rút 22.046.620đ nhưng chứng từ thực tế chỉ chi 12.250.000đ);

- Tháng 10: Nâng khống nội dung trợ cấp lương đại học, tiền công cộng tác viên tháng 10, lương phụ cấp không chuyên trách, chi lương Ủy ban tháng 10 chiếm đoạt 22.765.740đ;

- Tháng 11: Nâng khống tiền công cộng tác viên và trợ cấp đại học, Chủ tịch, Phó chủ tịch, chiếm đoạt 26.434.000đ;

- Tháng 12: Nâng khống chiếm đoạt 13.090.640đ khoản tiền trợ cấp đại học, Chủ tịch, Phó chủ tịch tháng 11, Tiền công CTV, phụ cấp thâm niên, điều chỉnh lương lương hệ số 2,34.

Đối với những khoản chênh lệch do nâng khống nêu trên, bằng thao tác chi lương điện tử, T chuyển khoản từ tài khoản chi lương của Ủy ban vào tài khoản cá nhân mang tên Võ Thị Minh T, số tài khoản 0102130811, mở tại ngân hàng Đ và rút chiếm đoạt.

Như vậy, tổng cộng Võ Thị Minh T đã chiếm đoạt tổng số tiền từ ngân sách nhà nước là 495.206.967đồng.

Trước khi Thanh tra Quận B chuyển hồ sơ vụ án đến Cơ quan điều tra và trước khi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận B khởi tố vụ án, khởi tố bị can, T đã nộp 491.960.560đồng cho Ủy ban nhân dân phường 19, Quận B để khắc phục (phiếp nộp tiền các ngày 04/10/2016, 16/01/2017);

Võ Thị Minh T khai: trong thời gian công tác tại Ủy ban nhân dân phường 19, quận B từ tháng 4/2013 đến 2017, với nhiệm vụ được giao là Kế toán trưởng, T thực hiện nhiệm vụ quản lý hoạt động tài chính - kế toán của đơn vị. Năm 2015, lợi dụng nhiệm vụ được giao và trực tiếp quản lý quy trình chi lương điện tử của Ủy ban nhân dân phường 19, T đã nhiều lần tự thao tác chuyển tiền từ tài khoản chi lương Ủy ban vào tài khoản cá nhân và lập cùng bộ chứng từ để rút dự toán nhiều lần, kê khống các khoản lương, phụ cấp, trợ cấp, kê sai nội dung để rút khác chương sai quy định chiếm đoạt số tiền nêu trên. Qua đó, T thừa nhận, toàn bộ hành vi sai phạm nêu trên do một mình T thực hiện, không ai ép buộc, không sử dụng tiền chiếm đoạt được để đưa cho ai nhằm giúp T thực hiện thuận lợi việc chiếm đoạt tiền; sai phạm của T bị phát hiện do cơ quan Thanh tra B tiến hành thanh tra toàn diện theo quy trình thanh tra.

Hà Thị V - nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường 19 khai: với chức vụ là Chủ tịch Ủy ban, là người đứng đầu đơn vị, chủ tài khoản đơn vị sử dụng dự toán ngân sách, đã thiếu giám sát, kiểm tra chứng từ kế toán do Võ Thị Minh T lập và trình ký. Về nguyên tắc, là chủ tài khoản chi lương điện tử, Vân phải trực tiếp thực hiện phần đăng nhập, duyệt chi lương trên máy tính nhưng Vân để T quản lý, thao tác toàn bộ quy trình và khi kế toán trình chứng từ, Vân phải kiểm tra trước khi duyệt, ký vào giấy rút dự toán, bảng kê chứng từ, nhưng Vân không kiểm tra hoặc không thể kiểm tra, điều này tạo kẽ hở cho T tự chuyển tiền từ tài khoản chi lương Ủy ban vào tài khoản cá nhân cũng như lập và trình ký thừa chứng từ hoặc kê khống các khoản tiền trong giấy rút dự toán mà Vân không phát hiện.

Qua xác minh, thu thập hồ sơ, tài liệu tài khoản của Ủy ban nhân dân phường 19 và Võ Thị Minh T tại Ngân hàng Đ nhận thấy:

- Tại tài khoản số 011517940003 của Ủy ban nhân dân phường 19, từ tháng 01/2015 đến tháng 12/2015 có nhận được đầy đủ các khoản tiền do Kho bạc Quận B duyệt chi và Ngân hàng Đ chuyển vào (theo các Giấy rút dự toán của Ủy ban nhân dân phường 19 đã được Kho bạc duyệt chi). Từ nguồn tiền này, đã có nhiều khoản tiền được chuyển khoản vào tài khoản cá nhân số 0102130811 của Võ Thị Minh T như thể hiện ở trên.

- Tại tài khoản số 0102130811 của Võ Thị Minh T nhận thấy, từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015 có nhận các khoản tiền do ngân hàng Đ chuyển vào (căn cứ vào bảng sao kê tài khoản của Võ Thị Minh T) do tài khoản số 011517940003 của Ủy ban chuyển đến. Toàn bộ số tiền trong tài khoản đã bị rút hết bằng

Tại bản án số:229/2018/HSST ngày 03 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Võ Thị Minh T phạm tội "Tham ô tài sản";

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 353 điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017;

Xử phạt: Bị cáo Võ Thị Minh T04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Ngoài ra bản án còn tuyên trách nhiệm dân sự , xử lý vật chứng,án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 13 tháng07 năm2018, bị cáo Võ Thị Minh T kháng cáo xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Võ Thị Minh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Võ Thị Minh Tđúng trong hạn luật định được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên hôm nay, bị cáo Võ Thị Minh T khai nhận hành vi phạm tội như tại cấp sơ thẩm và vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo

Xét lời khai của bị cáo cơ bản phù hợp với lời khai của đại diện của Ủy ban nhân dân phường 19, quận B, người có quyền và nghĩa vụ liên quan và người làm chứng về thời gian, địa điểm, hành viphạm tội, vật chứng của vụ án. Phù hợp với các chứng cứ được xét hỏi công khai tại phiên toà. Như vậy, bản án sơ thẩm xét xử bị cáo Võ Thị Minh T về tội" Tham ô tài sản" là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi mà bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản, đến hoạt động đúng đắn,uy tín của cơ quan Nhà nước. Mặt khác, còn ảnh hường xấu đến trật tự trị an tại địa phương.

Xét đơn kháng cáo xinđược hưởng án treo của bị cáoVõ Thị Minh T thấy rằng:

Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2015 đến tháng 12/2015, lợi dụng sơ hở trong công tác quản lý, giám sát của lãnh đạo Ủy ban nhân dân Phường 19, quận B, Võ Thị Minh T với nhiệm vụ là kế toán tài chính đã có hành vi nâng khống, kê trùnglắp nhiều khoản chi từ dự toán ngân sách chuyển vào tài khoản cá nhân chiếm đoạt số tiền 495.206.967đồng. Án sơ thẩm căn cứ tính chất, hành vi hậu quả do bị cáo gây ra và xử phạt bị cáo 04 năm 06 tháng tù (Mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà bị cáo bị truy tố) là đã xem xét giảm nhẹ

hình phạt cho bị cáo. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo nộp đơn xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân bị cáo phải nuôi mẹ già và con nhỏ. Tuy nhiên, bị cáo là người lợi dụng chức vụ quyền hạn để trục lợi, phạm tội nhiều lần và theo quy định của pháp luật thì bị cáo thuộc trường hợp không cho hưởng án treo, nên yêu cầu kháng cáo của bị cáo không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị.

Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355,Điều 356Bộ luật tố tụng Hình sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Võ Thị Minh T.

Giữ nguyên bản án số 229/2018/HSST ngày 03 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phần hình phạt.

Tuyên bố bị cáo Võ Thị Minh T phạm tội "Tham ô tài sản";

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 353 điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017;

Xử phạt: Bị cáo Võ Thị Minh T04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000đồng

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị DuyênNguyễn Đắc Minh **Hoàng Thanh Dũng**